

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2019/HS-ST
Ngày 17 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi.
2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thắng Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 154/2019/HSST ngày 16 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2019/HSST-QĐ ngày 06/6/2019 đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh năm 1976 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp T xã T, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: 13 A khu phố L, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê (thợ xây); trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn V (đã chết) và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954; có vợ tên Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1981 và có 01 con sinh năm 2005; tiền sự, tiền án: Không có, có mặt

- Bị hại: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1962; thường trú: Tổ 13 khu phố L, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

1. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Q, xã T huyện Đ, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1966; thường trú: 1/315 khu phố L2, phường G, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Anh Dư Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn B, xã L huyện H, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 07/02/2019, bị cáo Lê Văn N đi bộ từ phòng ở trọ của mình đến tiệm tạp hóa của anh Hoàng Văn T địa chỉ tổ 13 khu phố L, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương mua hàng nhưng tiệm đóng cửa, N đi về phòng ở trọ lấy 01 cây kéo dài 20 cm đi đến bên hông tiệm tạp hóa dùng kéo cắt một miếng tôn dài 50 cm, dùng tay kéo ra tạo khoảng trống chui vào trong lấy 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell 3576 i3 8130 F63F002 màu đen và số tiền 280.000 đồng trong hộp bánh ở phòng khách. N mang máy vi tính đến tiệm cầm đồ Minh Tiến địa chỉ phường Thuận Giao, thị xã Thuận An bán cho chị Trần Thị Thu H được 1.500.000 đồng sau đó đi đến công ty Asama đánh bài thắng thua bằng tiền và bị thua hết tiền. Đến khoảng 01 giờ ngày 08/02/2019, N đi bộ đến tiệm tạp hóa của anh T tiếp tục chui vào bên trong chiếm đoạt tài sản, khi vào trong tiệm bị anh T phát hiện tri hô, N tẩu thoát sau đó ẩn nấp ở bụi chuối cách tiệm tạp hóa khoảng 20m thì bị anh T và lực lượng Công an phường Tân Đông Hiệp phát hiện bắt giữ.

Vật chứng thu giữ: 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell 3576 i3 8130 F63F002 màu đen; 01 cây kéo dài 20cm, cán bọc nhựa màu xanh.

Kết luận định giá số 39/BB.ĐG ngày 22/02/2019 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, kết luận máy vi tính xách tay hiệu Dell 3576 i3 8130 F63F002 màu đen, trị giá 7.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo N chiếm đoạt gồm máy vi tính, tiền là 7.280.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hoàng Văn T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt (gồm máy vi tính được thu hồi, bị cáo N trả lại số tiền 280.000 đồng); đối với số tiền 1.500.000 đồng chị Trần Thị Thu H mua máy vi tính của bị cáo N, bị cáo N đã trả lại chị H.

Cáo trạng số 182/CT-VKS ngày 15/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo N từ 8 đến 12 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy kéo sắt thu giữ.

Bị cáo N không tranh luận, không bào chữa cho hành vi phạm tội. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Rất ân hận việc mình làm, xin được xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất vì lần đầu tiên phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ xác định bị cáo phạm tội: Biên bản hỏi cung, trình bày tại phiên tòa của bị cáo Lê Văn N, lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án thể hiện. Vào tối ngày 07/02/2019, bị cáo N sử dụng 01 kéo, đến tiệm tạp hóa của anh Hoàng Văn T lén lút cắt miếng tôn, chui vào trong tiệm chiếm đoạt tiền, máy vi tính xách tay có trị giá 7.280.000 đồng, đến rạng sáng ngày 08/02/2019 bị cáo tiếp tục vào chiếm đoạt tài sản thì bị bắt. Như vậy, hành vi trên của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 182/CT – VKS ngày 15/5/2019 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết giảm nhẹ trên được quy định điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo N có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án, tiền sự.

[2] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm bị cáo N thực hiện là ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của anh Hoàng Văn T được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, bị cáo sau khi chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền sử dụng vào việc đánh bạc thắng thua bằng tiền, sau đó tiếp tục đi chiếm đoạt tài sản thì bị bắt. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo N mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm bị cáo thực hiện để sau này không vi phạm nữa.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Văn T, chị Trần Thị Thu H đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt, nhận được tiền bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ kéo bằng sắt, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, việc xử lý vật chứng. Quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận. Riêng mức hình phạt đối với bị cáo N có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử xử phạt mức hình phạt thấp hơn so với đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo N phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các biện pháp tư pháp

Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo dài 20 cm, cán bọc nhựa màu xanh. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/5/2019.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Bị cáo Lê Văn N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ đến vụ án mặt vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại; người cqlnvlq;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh